

Số: /BC-SKHCCN

Quảng Trị, ngày tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính hành chính và chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công 6 tháng đầu năm 2023

Thực hiện Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Công văn số 223/SNV-CCHCVTLT ngày 10/3/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ. Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính và chỉ số hiệu quả hành chính công quý 06 tháng đầu năm 2023 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

6 tháng đầu năm 2023, Ban Giám đốc Sở đã chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở triển khai công tác cải cách hành chính theo kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 đã được ban hành tại Kế hoạch số 05/KH-SKHCCN ngày 13/01/2023, trong đó đã xác định 37 nhiệm vụ thuộc 06 lĩnh vực đạt chất lượng và hiệu quả. Tính đến ngày 15/6/2023, 25/37 nhiệm vụ đề ra trong năm đã hoàn thành đúng tiến độ, các nhiệm vụ khác được triển khai đúng kế hoạch.

Bên cạnh đó đã ban hành các Kế hoạch tuyên truyền về cải cách hành chính năm 2023 (số 20/KH-SKHCCN ngày 14/02/2023); Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 (số 09/KH-SKHCCN ngày 27/01/2023); Kế hoạch tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2023 (số 10/KH-SKHCCN ngày 30/01/2023); Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2023 (số 31/KH-SKHCCN ngày 10/3/2023); Kế hoạch duy trì và củng cố chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (số 07/KH-SKHCCN ngày 19/01/2023); Kế hoạch duy trì và nâng cao chỉ số cải cách hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2023 (số 15/KH-SKHCCN ngày 13/02/2023); Kế hoạch triển khai thực hiện Chuyển đổi số năm 2023 (số 25/KH-SKHCCN ngày 28/02/2023); Kế hoạch Triển khai thực hiện Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia Sở Khoa học và Công nghệ năm 2023 (số 32/KH-SKHCCN ngày 10/3/2023);

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính của UBND tỉnh, Sở đã ban hành các văn bản chỉ đạo và

triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trong toàn Sở: Công văn về việc rà soát trách nhiệm việc tham mưu các nhiệm vụ về CCHC năm 2022 của Sở (số 79/SKHHCN-VP ngày 10/02/2023); Công văn về việc rà soát TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025 (số 111/SKHHCN-VP ngày 22/02/2023); Công văn về việc đôn đốc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023 (số 275/SKHHCN-VP ngày 06/4/2023); Công văn về việc cắt giảm quy định kinh doanh, phân cấp giải quyết TTHC, đơn giản hóa TTHC để cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp (Công văn số 299/SKHHCN-VP ngày 14/4/2023); Công văn về việc tái cấu trúc quy trình thực hiện TTHC trên môi trường điện tử (số 314/SKHHCN-VP ngày 18/4/2023); Công văn về việc đẩy mạnh triển khai Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI (số 444/SKHHCN-VP ngày 24/5/2023); Công văn về việc đẩy mạnh thực hiện kiểm tra công vụ, đảm bảo thực hiện bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy trong giải quyết TTHC (số 419/SKHHCN-VP ngày 15/6/2023); Công văn về việc triển khai thực hiện Thông báo số 169/TB-VPCP ngày 05/5/2023 của Văn phòng Chính phủ (số 513/SKHHCN-VP ngày 07/6/2023)....

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền về cải cách hành chính được Ban Giám đốc Sở quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ và thường xuyên. Đã xây dựng kế hoạch tuyên truyền với nhiều hình thức, nội dung phong phú như lồng ghép, phổ biến quán triệt thông qua các buổi Hội nghị, giao ban hàng tháng, sinh hoạt Chi bộ... Trên cổng thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ <https://sokhcn.quangtri.gov.vn> có 26 tin, bài viết; Trên cổng thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ <https://Dostquangtri.gov.vn> có 54 tin, bài; 01 bài đăng trên Đặc san KH&CN số 2/2023; 01 chuyên mục Khoa học và Công nghệ trên Đài PT-TH tỉnh (Chuyên mục KH&CN số tháng 6.2023 ngày 15.6.2023) Đã phát động công chức, viên chức, người lao động hưởng ứng cuộc thi "Hiển kế nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính" do Sở Nội vụ tổ chức...

Năm 2023, từ ngày 01/01/2023 đến 15/6/2023, UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ 60 nhiệm vụ, đã hoàn thành 47 nhiệm vụ, đang thực hiện 13 nhiệm vụ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế, theo dõi thi hành pháp luật

Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về công tác cải cách thể chế, theo dõi thi hành pháp luật, Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện và đã ban hành: Kế hoạch rà soát, kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 (*Kế hoạch số 03/KH-SKHCN ngày 11/01/2023*); Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” (*Kế hoạch số 06/KH-SKHCN ngày 16/01/2023*); Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2023 (*Kế hoạch số 17/KH-SKHCN ngày 13/02/2023*); Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023 (*Kế hoạch số 18/KH-SKHCN ngày 13/02/2023*); Kế hoạch thực hiện công tác pháp chế năm 2023 (*Kế hoạch số 19/KH-SKHCN ngày 14/02/2023*); Kế hoạch thực hiện Đề án "Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, giai đoạn 2021-2030" trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (*Kế hoạch số 59/KH-SKHCN ngày 12/06/2023*) để nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với công tác pháp chế, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành. Trong 6 tháng đầu năm 2023, không có kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Tiếp tục phổ biến các văn bản pháp luật: ban hành Công văn về việc tiếp tục triển khai thực hiện Luật Tiếp cận thông tin (*Công văn số 103/SKHCN-TTra ngày 21/02/2023*); Công văn về việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản QPPL về lĩnh vực Nội vụ (*Công văn số 460/SKHCN-Ttra ngày 20/5/2023*); đã triển khai, tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật và công tác theo dõi thi hành pháp luật đăng tại Cổng Thông tin điện tử KH&CN.

Ttheo Công văn số 5709/UBND-NC ngày 09/11/2022 của UBND tỉnh về việc đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh năm 2023, Sở Khoa học và Công nghệ không được giao xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên qua rà soát, hệ thống hóa các văn bản QPPL và căn cứ tình hình thực tế, Sở đã ban hành Công văn về việc bổ sung đề nghị xây dựng văn bản QPPL năm 2023 (*Công văn số 112/SKHCN-TTra ngày 23/02/2023*); Công văn về việc bổ sung đề nghị xây dựng văn bản QPPL năm 2023 (*Công văn số 512/SKHCN-TTra ngày 07/06/2023*) gửi Sở Tư pháp thẩm định, đề nghị UBND tỉnh trình bổ sung xây dựng 01 Quyết định và 01 Nghị quyết thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

2. Cải cách thủ tục hành chính.

Triển khai thực hiện Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2023. Sở đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-SKHCN ngày 27/01/2023 Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023.

Thực hiện Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính

nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 51/KH-SKHCN ngày 29/11/2022 về rà soát, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính nội bộ Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2022-2025, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định công bố 03 thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Khoa học và Công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND tỉnh Quảng Trị (*Tờ trình số 27/TTr-SKHCN ngày 30/3/2023*).

Đã tham mưu UBND tỉnh xem xét thẩm định, trình phê duyệt công bố quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị (*Tờ trình số 44/TTr-SKHCN ngày 07/6/2023*).

Thực hiện nghiêm túc việc rà soát cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính: Sở triển khai góp ý đối với dự thảo Quyết định công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; ban hành Kế hoạch số 51/KH-SKHCN ngày 29/11/2022 về rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực khoa học và công nghệ giai đoạn 2022-2025. Thực hiện thông báo cho các tổ chức, cá nhân về việc triển khai danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng (*gồm 47 thủ tục hành chính, trong đó 12 thủ tục hành chính triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 35 thủ tục hành chính triển khai dịch vụ công trực tuyến một phần*).

Sở thường xuyên công khai, niêm yết Bộ thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử của Sở khi có thay đổi. Các thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở được cập nhật kịp thời trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị, được thực hiện tại Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở. Hoạt động của Bộ phận một cửa được tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả. Công chức tại Bộ phận một cửa của Sở được trang bị chữ ký số theo đúng quy định, có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm cao, chấp hành đúng nội quy, quy chế đã ban hành, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; tích cực tuyên truyền cho cá nhân, tổ chức về dịch vụ công trực tuyến, cách thức thanh toán trực tuyến phí, lệ phí qua Cổng dịch vụ công quốc gia khi thực hiện thủ tục hành chính.

Số lượng thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông/tổng số thủ tục hành chính là 47/47. Số lượng thủ tục hành chính Sở tiếp nhận từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023 là 28 hồ sơ, trong đó, hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến là 13 hồ sơ, tiếp nhận trực tiếp 11 hồ sơ, 04 hồ

sơ từ kỳ trước chuyển qua. Kết quả: Đang giải quyết 04 hồ sơ (chưa đến hạn); đã giải quyết 24 hồ sơ trước hạn, không có hồ sơ quá hạn. Tỷ lệ hồ sơ trả trước hạn đạt 100%.

Từ đầu năm đến ngày 15/6/2023, Sở không nhận được phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

06 tháng năm 2023 đã rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định Nghị định 107/NĐ-CP đảm bảo sắp xếp lại tổ chức nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các phòng chuyên môn phù hợp với quy định về quản lý, sử dụng công chức là việc làm cần thiết. Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định 207/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 về việc giải thể Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở KH&CN đã tiến hành sắp xếp bố trí công chức, viên chức, người lao động phù hợp chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc và vị trí việc làm theo đúng quy định; Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc đổi tên Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin Khoa học và Công nghệ thành Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo;

Thực hiện quản lý, phân cấp quản lý các chức danh cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng theo Nghị định 68 theo Quyết định 818/QĐ-UBND ngày 9/4/2021, Sở đã trình Sở Nội vụ thẩm định, để tham mưu UBND tỉnh nội dung Phân cấp tại Đề án số 12/ĐA-SKH&CN ngày 27/02/2023 về Đẩy mạnh phân cấp trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, đã xây dựng lộ trình tinh giản biên chế công chức từ năm 2024-2026 gửi Sở Nội vụ thẩm định trình UBND xem xét, phê duyệt (Tờ trình số 12/TTr-SKH&CN ngày 20/02/2023).

4. Cải cách chế độ công vụ.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng phòng chuyên môn thuộc Sở, Lãnh đạo Sở đã bố trí, sắp xếp con người một cách hợp lý, phù hợp với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đã tham mưu UBND tỉnh điều động và bổ nhiệm 01

lãnh đạo đơn vị thuộc Sở (*Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 16/5/2023*); Đã bổ nhiệm 02 chức danh do sắp xếp vị trí Phó trưởng phòng thuộc Sở; bổ nhiệm lại 02 Phó trưởng phòng; bổ nhiệm 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng thuộc Sở (do đổi tên phòng); 01 Trưởng phòng thuộc Sở; 02 cấp phó đơn vị thuộc Sở; 01 Phó Phụ trách đơn vị thuộc Sở, bổ nhiệm 02 Phó Giám đốc đơn vị thuộc Sở do đổi tên đơn vị; điều động 03 công chức thuộc Sở.

Thực hiện đăng ký tuyển dụng công chức 02 vị trí, xây dựng kế hoạch các đơn vị sự nghiệp năm 2023.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ tiếp tục được quan tâm. 6 tháng đầu năm 2023 đã cử 04 công chức, viên chức đào tạo Trung cấp chính trị; 01 công chức tham gia chương trình Chuyên viên chính;

Thực hiện các đầy đủ chế độ, chính sách đối với CC, VC, người lao động, cụ thể: Nâng lương trước thời hạn cho 02 công chức; nâng lương thường xuyên cho 03 công chức.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách về tiền lương, bảo hiểm, thực hiện xét nâng lương trước thời hạn, nâng lương định kỳ đối với viên chức. Quý I năm 2023 đã nâng lương trước thời hạn cho 01 viên chức ; nâng lương thường xuyên đối với 04 viên chức.

Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức tại Sở: Đã ban hành Kế hoạch tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2023 (*Kế hoạch số 10/KH-SKHCN ngày 30/01/2023*) trong đó xác định rõ nội dung công việc, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng phòng, đơn vị của Sở; Kế hoạch thực hiện Đề án văn hóa công vụ năm 2023 (*Kế hoạch số 24/KH-SKHCN ngày 28/02/2023*). Đã ban hành Công văn về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh (*Công văn số 55/SKHCN-VP ngày 31/01/2023*); Cán bộ, công chức cơ quan thực hiện tốt các nguyên tắc thực hiện văn hoá công sở, phù hợp với các quy định của pháp luật và mục đích, yêu cầu cải cách hành chính, chủ trương hiện đại hoá nền hành chính nhà nước; bảo đảm tính trang nghiêm và hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, tuy nhiên 6 tháng đầu năm 2023 có 01 viên chức vi phạm quy định của pháp luật về dân số.

5. Cải cách tài chính công.

Thực hiện đúng các quy định về quản lý tài chính, ngân sách tại Sở. Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phân bổ sinh phí hoạt động khoa học và công nghệ năm 2023 (*Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 13/3/2023*); Sở ban hành Quyết định về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước (đợt 1)

kinh phí sự nghiệp Khoa học và Công nghệ năm 2023 (*Quyết định số 49/QĐ-SKHCN ngày 13/3/2023*); Quyết định về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Khối Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị (*Quyết định số 53/QĐ-SKHCN ngày 24/3/2023*); Quyết định về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước (đợt 2) - Kinh phí sự nghiệp Khoa học và Công nghệ năm 2023 (*Quyết định số 71/QĐ-SKHCN ngày 06/4/2023*);

Đã xây dựng mức độ tự chủ đảm bảo chi thường xuyên của Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN giai đoạn 2023-2025 trình UBND tỉnh phê duyệt (*Tờ trình số 06/TTr-SKHCN ngày 31/01/2023*); Công văn về việc lấy ý kiến về phương án tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023-2025 (*Công văn số 209/SKHCN-KHTC ngày 21/3/2023*);

Năm 2023, Sở Khoa học và Công nghệ được UBND tỉnh phân bổ 8.326.000.000 đồng (Quyết định số 3446/QĐ-UB ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2023; Tổng giá trị đã thanh toán đến hết ngày 27/3/2023 là: 6.786.875.000 đồng, tỷ lệ giải ngân đạt 81,51%; dự kiến đến 30/6/2022 tỷ lệ giải ngân đạt 90% (*Công văn số 236/SKHCN-KHTC ngày 27/3/2023 về báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công kế hoạch 2023*).

Sở và các đơn vị trực thuộc đã thực hiện nghiêm các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công, để trang cấp thiết bị cho công chức, viên chức đảm bảo phục vụ công việc, Sở đã đăng ký mua sắm tập trung theo hướng dẫn của Sở Tài chính. Thực hiện việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng về tài sản công của Nhà nước đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khai thác và sử dụng tài sản đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát. Việc quản lý, sử dụng các tài sản được thực hiện công khai, minh bạch, theo dõi, hạch toán đầy đủ về mặt hiện vật và giá trị theo quy định của Nhà nước.

Về sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với các cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý: Đã phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Sở Khoa học và Công nghệ (*Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 03/4/2023*); Quyết định về việc điều chuyển tài sản công (*Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 05/6/2023*) điều chuyển cơ sở nhà, đất (trụ sở cũ của Trung tâm Kiểm định chất lượng hàng hóa tại thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa cho Trường Trung học cơ sở Lao Bảo, huyện Hướng Hóa quản lý, sử dụng phụ cụ công tác dạy học.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, chính quyền số

Sở đã ban hành Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2023 (*Kế hoạch số 31/KH-SKHCN ngày*

10/3/2023); Đã chỉ đạo công chức, viên chức áp dụng và thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định các phần mềm quản lý, điều hành phải thực hiện theo quy định của UBND tỉnh: phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại địa chỉ <http://vpdt.quangtri.gov.vn>; phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, chủ tịch UBND tỉnh giao, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội trong công tác quản lý, điều hành trong toàn Sở. Tiếp tục triển khai thực hiện ứng dụng chữ ký số đúng quy định. Sở ban hành Kế hoạch số 25/KH-SKH-CN về triển khai thực hiện Chuyển đổi số năm 2023; 100% phòng, đơn vị, công chức, viên chức và người lao động trao đổi thông tin, công tác quản lý, chỉ đạo điều hành trong nội bộ cơ quan và với các đơn vị trực thuộc đều được triển khai qua hộp thư điện tử công vụ và phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc. 100% công chức, viên chức được trang bị máy tính có kết nối internet và nối mạng LAN. Thực hiện nghiêm túc quy định của tỉnh về việc gửi và nhận văn bản đi, đến qua mạng hồ sơ công việc của tỉnh. Tất cả hồ sơ thủ tục hành chính đều xử lý thông qua mạng internet, đạt 100%. Tỷ lệ văn bản được gửi dưới dạng điện tử đạt 100%. Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ khi tiếp nhận đạt 100%; tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ khi trả kết quả đạt 100%.

Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4: Năm 2023 phối hợp xây dựng danh mục dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ gửi UBND tỉnh phê duyệt. UBND tỉnh ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2023, trong đó Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp 47 dịch vụ công trực tuyến, trong đó DVC trực tuyến toàn trình 12 thủ tục, DVC trực tuyến một phần 35 thủ tục.

Cổng Thông tin điện tử KH&CN đáp ứng yêu cầu của điều 28 Luật CNTT, Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về quy định việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng và đã đăng tải công khai kịp thời các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, cải cách hành chính, thủ tục hành chính, quy chế dân chủ, phòng chống tham nhũng,.. tại địa chỉ <http://sokhcn.quangtri.gov.vn> để các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân dễ dàng tiếp cận, trong đó có các chính sách hỗ trợ vốn, hỗ trợ ứng dụng đổi mới công nghệ, công tác tuyển dụng,... Sở đã quán triệt đến tất cả mọi cán bộ, CCVC về sử dụng thư điện tử công vụ. Cổng Thông tin điện tử của Sở được quản trị và vận hành tốt, được bảo trì và nâng cấp thường xuyên; các thông tin, văn bản và các thủ tục hành chính về KH&CN được đăng tải đầy đủ và cập nhật thường xuyên; đặt biệt đã tuyên truyền về cải cách hành chính tại địa chỉ <https://sokhcn.quangtri.gov.vn> có 26 tin, bài viết; Trên cổng thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ <https://Dostquangtri.gov.vn> có 54 tin, bài; 01 bài đăng

trên Đặc san KH&CN số 2/2023; 01 chuyên mục Khoa học và Công nghệ trên Đài PT-TH tỉnh (*Chuyên mục KH&CN số tháng 6.2023 ngày 15.6.2023*).

Sở luôn duy trì và nâng cao hiệu quả triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng vào hoạt động của đơn vị theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG DUY TRÌ VÀ CƯỜNG CỐ CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI)

Sở đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-SKH&CN ngày 19/01/2023 về Duy trì và củng cố Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2023.

1. Tham gia của người dân ở cấp cơ sở

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động và người dân về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện dân chủ cơ sở tại cơ quan nhằm nâng cao nhận thức về dân chủ, năng lực thực hành dân chủ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân, đặt biệt là tuyên truyền đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong toàn Sở nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của chỉ số PAPI đối với sự phát triển bền vững của tỉnh; Gắn việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, cải cách hành chính của ngành và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia thực hiện theo quy định.

2. Công khai minh bạch

Sở thực hiện tốt Quy chế tiếp công dân; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị, lãnh đạo các đoàn thể trong công tác công khai, minh bạch và thực hiện tốt các giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu tham nhũng, gây phiền hà sách nhiễu nhân dân.

Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan và các đoàn thể đã phát huy tốt vai trò giám sát việc thực hiện các quy định, quy chế của cơ quan.

Sở thường xuyên đăng tải công khai các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, thủ tục hành chính của Sở trên Cổng Thông tin điện tử KH&CN để người dân dễ dàng tiếp cận, trong đó có các chính sách hỗ trợ vốn, hỗ trợ ứng dụng đổi mới công nghệ, công tác tuyển dụng. Cập nhật thường xuyên các văn bản mới trong lĩnh vực KH&CN.

3. Trách nhiệm giải trình với người dân

Thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực KH&CN trên Cổng Thông tin điện tử của Sở. Thực hiện tốt Quy chế tiếp công dân, tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công chức, viên chức và của tổ chức, công dân kịp thời, đúng thẩm quyền. 6 tháng đầu năm

2023 Sở không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo, hoặc đơn kiến nghị, phản ánh nào.

4. Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật, các văn bản có liên quan về phòng, chống tham nhũng để công chức, viên chức biết thực hiện và người dân giám sát việc thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng tại đơn vị.

5. Thủ tục hành chính công

Đã tổ chức triển khai thực hiện một cửa, một cửa liên thông điện tử về cung ứng các dịch vụ công thuộc lĩnh vực Sở quản lý. 100% các dịch vụ công được thực hiện qua Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; Sở thực hiện nghiêm túc công tác niêm yết, công khai minh bạch tất cả các thủ tục hành chính về quy trình, hồ sơ, thời gian giải quyết, lệ phí... để người dân và doanh nghiệp biết, theo dõi và thực hiện giám sát trên Cổng thông tin điện tử của Sở và tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh.

Thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử của Sở. Thường xuyên cập nhật kịp thời các văn bản mới trong lĩnh vực KH&CN.

6. Cung ứng dịch vụ công

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức, tăng số lượng các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến theo quy định.

Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.

7. Quản trị môi trường

Đã đưa lên Cổng Thông tin điện tử KH&CN về quy định quản lý rác thải, nguồn nước sinh hoạt để từ đó tuyên truyền toàn thể CCVC và người lao động thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường tại cơ quan, đơn vị.

Thường xuyên đưa lên Cổng Thông tin điện tử KH&CN các quy định về bảo vệ môi trường để tuyên truyền và khuyến khích toàn thể CCVC và người lao động trồng và chăm sóc cây xanh để bảo vệ môi trường xung quanh cơ quan, đơn vị.

8. Quản trị điện tử

Cổng Thông tin điện tử KH&CN thực hiện theo quy định tại điều 28 Luật CNTT, Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về quy định việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng và đã đăng tải công khai kịp thời các chủ trương, chính sách, quy hoạch,

kế hoạch, cải cách hành chính, thủ tục hành chính, quy chế dân chủ, phòng chống tham nhũng, tại địa chỉ <http://sokhcn.quangtri.gov.vn> để các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân dễ dàng tiếp cận, trong đó có các chính sách hỗ trợ vốn, hỗ trợ ứng dụng đổi mới công nghệ, công tác tuyển dụng,...

Cập nhật thường xuyên các văn bản mới trong lĩnh vực KH&CN tại địa chỉ <http://Dostquangtri.gov.vn> và <https://sokhcn.quangtri.gov.vn>.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi.

Công tác cải cách hành chính của Sở được triển khai đồng bộ trên các lĩnh vực, phát huy được tính dân chủ, minh bạch, trách nhiệm trong đội ngũ công chức, viên chức; sự phối hợp giữa các phòng, đơn vị thuộc Sở được tăng cường và triển khai chặt chẽ, kịp thời.

Công tác chỉ đạo, điều hành được tăng cường, hướng dẫn đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính kịp thời. Công tác hiện đại hoá hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin đã từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Sở. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông hoạt động hiệu quả tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình giao dịch của tổ chức và cá nhân.

Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác đã mang lại nhiều kết quả tích cực, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan hành chính.

2. Khó khăn

Nhận thức của một số ít công chức, viên chức trong công tác cải cách hành chính còn chưa tích cực, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc nhiều lúc chưa đáp ứng kịp thời.

Đối với việc thanh toán phí, lệ phí trực tuyến khi thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công hiện chưa được người dân và doanh nghiệp thực hiện. Việc thanh toán phí, lệ phí qua Cổng dịch vụ công quốc gia nhưng sau nhiều ngày tiền vẫn chưa được chuyển về tài khoản của đơn vị thụ hưởng, gây khó khăn cho cơ quan quản lý cũng như người dân, doanh nghiệp.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị.

- Tập trung chỉ đạo cải cách thủ tục hành chính hoàn thành việc rà soát các thủ tục hành chính trình UBND tỉnh công bố, xây dựng kế hoạch đơn giản giản hóa TTHC năm 2023 trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của Sở. Thường xuyên tuyên truyền về CCHC, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền CCHC, đưa thông tin tuyên truyền đến với người dân, tổ chức.

- Nâng cao hiệu quả việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, nâng cao chất lượng phục vụ và tạo điều kiện tốt nhất cho cá nhân, tổ chức khi tham gia TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

- Tăng cường công tác kiểm tra và tự kiểm tra, kiểm soát thủ tục hành chính tại cơ quan như: Niêm yết, công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

- Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch đã được duyệt nhằm trang bị cho đội ngũ công chức, viên chức các kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin vào thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của công chức, viên chức và người lao động.

Trên đây là Báo cáo công tác cải cách hành chính và duy trì, củng cố chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công 6 tháng đầu năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, TT&TT, KH&ĐT;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở ;
- Lưu VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Thắng

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH
HÀNH CHÍNH

CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 63/BC-SKHCN ngày 15/6/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị)

Biểu mẫu 1 Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	09	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	70%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	37	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	25	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số đơn vị đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	-	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	-	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	-	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	60	Cả năm
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	46	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	01	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		

7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
----	---	---------------------	---	--

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành	Văn bản	01	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	01	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	6	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	02	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	01	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	01	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	01	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

ST T	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	47	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	47	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	0	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	0	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	76	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	

3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	24	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	24	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	0
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	0

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	0	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	0	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	0	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	02	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	0	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	02	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	0	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm	%	0	

	2015			
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	33	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	31	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	02	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	100	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	64	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	53	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	100	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	

2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	-	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	01	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	1,34	
1.1.	Được giao	Triệu đồng	8.326	Đến 27/3/2023
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	6.786,875	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	02	

2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	01	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	01	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	01	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	

2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	0	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%		
5.2.1	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100	
5.2.2	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	100	
5.2.3	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%		
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
5.3.2	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
5.3.3	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			

6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.4.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	35	
6.4.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	35	
6.4.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	03	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	12	
6.5.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	12	
6.5.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	03	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100%	
6.6.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	47	
6.6.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	47	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	35,08	
6.7.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	28	
6.7.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	12	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.8.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	12	
6.8.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	12	